

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2017/DS-PT

Ngày 09-8-2017

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Cảnh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Chiến

Bà Phạm Thị Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang – Thư ký Toà án Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Hương Lan – Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 09 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2017/TLPT-DS ngày 07 tháng 4 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2016/DSST ngày 30 tháng 8 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 21/2017/QĐ-PT ngày 15 tháng 5 năm 2017; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 07/2017/QĐ-PT ngày 06 tháng 6 năm 2017; Quyết định tiếp tục mở phiên tòa số 38/2017/QĐ-PT ngày 06 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2017/QĐ-PT ngày 28 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn B;

Địa chỉ: số 03 Huỳnh Thúc K, tổ dân phố 1, phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị V;

Địa chỉ: thôn 2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

3. Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị V.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 02/3/2016 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn B trình bày: Ngày 16/7/2015, ông cho bà Nguyễn Thị V vay số tiền là 800.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận tính từ ngày nhận tiền theo Hợp đồng vay tiền số 33/HĐVT. Khi vay tiền bà V hẹn đến ngày 20/7/2015 sẽ trả đủ số tiền vay và lãi suất như thỏa thuận cho ông. Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả tiền, hai bên ký một Hợp đồng ủy quyền với nội dung bà V sẽ thế chấp tài sản là 01 thửa đất tọa lạc tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cho ông, đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 320349 ngày 25/4/2015 cho bà Nguyễn Thị V. Sau khi ký Hợp đồng vay tiền, ông đã giao đủ số tiền 800.000.000 đồng cho bà V nhưng bà V không thực hiện Hợp đồng ủy quyền mà tự ý lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên mang về nhà. Đến thời hạn trả nợ, bà V không trả số tiền đã vay và lãi suất như thỏa thuận cho ông. Vì vậy ông khởi kiện yêu cầu bà V phải trả cho ông số tiền 500.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật. Số tiền 300.000.000 đồng còn lại ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị V trình bày: Bà không ký vào Hợp đồng vay tiền mà chỉ ký vào Hợp đồng ủy quyền tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Đắk Nông với mục đích vay của ông B số tiền hơn 10.000.000 đồng. Tuy nhiên, do ông B không có mặt khi làm Hợp đồng ủy quyền nên sau khi ký xong, bà lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rồi đi về, không vay tiền và cũng không giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B. Bà khẳng định không vay của ông B số tiền 800.000.000 đồng như ông B trình bày, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B.

Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2016/DS-ST ngày 30/8/2016 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông đã căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 161, khoản 1 Điều 162 của Bộ luật tố tụng dân sự; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về án phí, lệ phí Tòa án; Áp dụng Điều 471, Điều 474, khoản 2 Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B, buộc bà Nguyễn Thị V phải trả cho ông Nguyễn Văn B 500.000.000đ (*năm trăm triệu đồng*) tiền gốc và 50.375.000đ (*năm mươi triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền lãi. Tổng số tiền bà V phải trả cho ông B là 550.375.000đ (*năm trăm năm mươi triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*).

Buộc bà Nguyễn Thị V phải trả cho ông Nguyễn Văn B 3.600.000đ (*ba triệu sáu trăm nghìn đồng*) chi phí giám định.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22/9/2016, bà Nguyễn Thị V kháng toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2016/DS-ST ngày 30/8/2016 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn bà Nguyễn Thị V giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị V trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị V, sửa toàn bộ Bản án sơ thẩm số 07/2016/DS-ST ngày 30/8/2016 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị V; căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, đối chiếu với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thời hạn kháng cáo: Ngày 19/9/2016 bà Nguyễn Thị V nhận được Bản án sơ thẩm số 07/2016/DS-ST ngày 30/8/2016 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông bằng hình thức tổng đạt trực tiếp. Ngày 22/9/2016, bà V nộp đơn kháng cáo là trong thời hạn luật định. Quá trình tổng đạt thông báo nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đ chưa hợp lệ, dẫn đến chậm trễ trong việc nộp tiền tạm ứng án phí, ảnh hưởng đến quyền kháng cáo của bà V. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân huyện Đ đã khắc phục và bà V đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét Hợp đồng vay tiền số 33/HĐVT ngày 16/7/2015 giữa ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị V, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong hợp đồng thể hiện đầy đủ nội dung như lời trình bày của nguyên đơn và có chữ ký của bà V. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án bà V không thừa nhận đã vay của ông B số tiền nêu trên, bà khẳng định chữ ký và chữ viết trên Hợp đồng vay tiền số 33/HĐVT ngày 16/7/2015 không phải của bà. Ngày 14/6/2016, ông B yêu cầu Tòa án

trung cầu giám định chữ ký và chữ viết tại phần chữ ký của bên vay trong Hợp đồng vay tiền. Tại Thông báo kết luận giám định số 39-GĐTL/PC54 ngày 15/7/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông đã kết luận *“Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị V dưới mục bên vay trong Hợp đồng vay tiền số 33/HĐVT ngày 16/7/2015 so với chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị V trong 02 tài liệu mẫu là do cùng một người ký, viết ra”*.

Đối với dòng chữ *“Ngày 16/7/2015 tôi đã nhận đủ số tiền”* trong Hợp đồng vay tiền số 33/HĐVT ngày 16/7/2015, tại phiên tòa phúc thẩm ngày 06/6/2017 bà V khẳng định không phải chữ viết của bà, bà đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để giám định bổ sung dòng chữ này có phải do bà viết ra hay không. Ông B khẳng định dòng chữ này là do và V viết sau khi đã nhận đủ tiền, ông đồng ý trung cầu giám định, nếu sai ông chịu trách nhiệm. Ngày 08/6/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông đã ban hành Quyết định trung cầu giám định số 02/2017/QĐ-PT. Tại Thông báo kết luận giám định số 49-GĐTL/PC54 ngày 29/6/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông đã kết luận: *“Chữ viết dưới mục bên vay có nội dung “Ngày 16/7/2015 tôi đã nhận đủ số tiền” trên Hợp đồng vay tiền số 33/HĐVT ngày 16/7/2015 so với chữ viết dưới mục Bên A có nội dung “Tôi đã đọc và đồng ý” và chữ viết mang tên Nguyễn Thị V trên Hợp đồng ủy quyền không đề ngày, tháng, năm là không phải do cùng một người viết ra.”*

Hợp đồng vay tiền số 33/HĐVT ngày 16/7/2015 được đánh máy và có chữ ký của các bên là phù hợp với quy định của pháp luật về mặt hình thức. Do đó, có căn cứ để khẳng định ngày 16/7/2015, giữa ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị V có ký kết Hợp đồng vay tiền với nội dung ông B cho bà V vay số tiền 800.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông B chưa chứng minh được sau khi ký hợp đồng, ông đã giao số tiền này cho bà V. Đối với dòng chữ *“Ngày 16/7/2015 tôi đã nhận đủ số tiền”* trong Hợp đồng vay tiền, ông B khẳng định là do bà V viết sau khi đã nhận tiền. Tuy nhiên, theo Kết luận giám định thể hiện dòng chữ này không phải do bà V viết ra. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 30/8/2016 của Tòa án nhân dân huyện Đ, ông B và người làm chứng chị Trần Thị V (*kế toán riêng của ông B*) đều khai sau khi ký Hợp đồng vay tiền thì mới tiến hành giao nhận tiền. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 06/6/2017 và phiên tòa hôm nay, ông B cũng xác định việc giao tiền thực hiện sau khi ký kết hợp đồng. Như vậy, Hợp đồng vay tiền số 33/HĐVT ngày 16/7/2015 mới chỉ chứng minh được giữa ông B và bà V có ký kết hợp đồng vay số tiền 800.000.000 đồng, ông B chưa chứng minh được đã giao số tiền 800.000.000 đồng cho bà V.

Bên cạnh đó, lời khai của ông B còn nhiều mâu thuẫn, cụ thể:

Tại các bút lục số 31 và 36, ông B khai sau khi hai bên ký Hợp đồng ủy quyền đối với thửa đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 320349 do

Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cấp ngày 25/4/2015 cho bà Nguyễn Thị V tại Phòng công chứng số 01 tỉnh Đắk Nông thì bà V giật lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rồi bỏ về. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ngày 06/6/2017 và phiên tòa hôm nay, ông lại khai sau khi hai bên ký xong Hợp đồng ủy quyền thì ông đi về nhà, sau đó quay lại Phòng công chứng số 1 thì mới biết bà V đã lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang đi.

Tại Biên bản hòa giải ngày 06/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (*bút lục số 31*) và tại phiên tòa sơ thẩm, ông B khai ông cho bà V vay số tiền 800.000.000 đồng nhưng ông chỉ khởi kiện yêu cầu bà V trả số tiền 500.000.000 đồng và lãi suất theo quy định, đối với số tiền 300.000.000 đồng còn lại ông chưa khởi kiện nên yêu cầu Tòa án không giải quyết trong vụ án này. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ngày 06/6/2017 và tại phiên tòa hôm nay ông lại khai số tiền 300.000.000 đồng còn lại bà V đã trả cho ông nên ông không khởi kiện yêu cầu bà V trả số tiền này.

Giữa Hợp đồng vay tiền và Hợp đồng ủy quyền có sự mâu thuẫn: thời hạn vay tiền theo Hợp đồng vay tiền là 05 (*năm*) ngày kể từ ngày 16/7/2015 đến ngày 20/7/2015 nhưng thời hạn ủy quyền theo Hợp đồng ủy quyền lại là 10 (*mười*) năm; số tiền vay theo Hợp đồng vay tiền là 800.000.000 đồng nhưng giá trị tài sản bảo đảm theo Hợp đồng ủy quyền chỉ là 150.000.000 đồng. Theo Hợp đồng vay tiền thì bà V có trách nhiệm phải đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B để làm tài sản bảo đảm, tuy nhiên trên thực tế, bà V vẫn là người đang giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trước khi giám định dòng chữ “Ngày 16/7/2015 tôi đã nhận đủ số tiền” trong Hợp đồng vay tiền thì tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm, ông B đều khẳng định dòng chữ này do bà V viết sau khi đã nhận đủ tiền. Tuy nhiên, sau khi có kết quả giám định, tại phiên tòa hôm nay ông B lại xác định dòng chữ này có thể do chồng của bà V viết. Tại phiên tòa hôm nay, bà V chứng minh được bà đã ly hôn từ năm 1985 thì ông B lại khai có thể do người đàn ông đi cùng với bà V viết.

Như vậy, ông B không chứng minh được việc đã giao số tiền 800.000.000 đồng cho bà V, do đó ông B phải chịu trách nhiệm về việc không chứng minh được.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự thì: “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”. Xét thấy, đối với yêu cầu khởi kiện của ông B về việc bà V phải trả lại cho ông số tiền 500.000.000 đồng và 50.375.000 đồng tiền lãi là không có căn cứ. Do đó, có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị V và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, sửa toàn bộ Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn B.

[3]. Về chi phí giám định:

[3.1]. Tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà V không thừa nhận chữ ký và chữ viết mang tên Nguyễn Thị V dưới mục người vay trong Hợp đồng vay tiền số 33/HĐVT là của bà. Tuy nhiên theo Kết luận giám định thì đây là chữ ký và chữ viết do bà viết ra, do đó bà phải chịu chi phí giám định tại cấp sơ thẩm. Do ông B đã nộp số tiền này nên cần buộc bà V phải trả lại cho ông B.

[3.2]. Tại Tòa án cấp phúc thẩm, bà V không thừa nhận dòng chữ “Ngày 16/7/2015 tôi đã nhận đủ số tiền” dưới mục người vay trong Hợp đồng vay tiền số 33/HĐVT là của bà; ông B khẳng định dòng chữ này do bà V viết ra. Tuy nhiên theo Kết luận giám định thì dòng chữ này không phải do bà V viết ra, do đó ông B phải chịu chi phí giám định tại cấp phúc thẩm. Do bà V đã nộp số tiền này nên cần buộc ông B phải trả lại cho bà V.

[4]. Về án phí:

[4.1]. Do kháng cáo của bà V được chấp nhận, Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B nên bà V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho bà V số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

[4.2]. Do kháng cáo của bà V được chấp nhận, Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B nên ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm ông B đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, Điều 148, Điều 161, Điều 162, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Áp dụng Điều 471, Điều 473 của Bộ luật dân sự năm 2005:

Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị V, sửa toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2016/DS-ST ngày 30/8/2016 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị V phải trả lại số tiền gốc 500.000.000đ (*năm trăm triệu đồng*) và tiền lãi 50.375.000đ (*năm mươi triệu ba trăm bảy mươi lăm triệu đồng*).

2. Về chi phí giám định: Buộc bà Nguyễn Thị V phải trả lại cho ông Nguyễn Văn B 3.600.000đ (*ba triệu sáu trăm nghìn đồng*) chi phí giám định tại

cấp sơ thẩm; buộc ông Nguyễn Văn B phải trả lại cho bà Nguyễn Thị V 3.600.000đ (*ba triệu sáu trăm nghìn đồng*) chi phí giám định tại cấp phúc thẩm.

3. Về án phí:

3.1. Bà Nguyễn Thị V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho bà Nguyễn Thị V 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0003066 ngày 22/3/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

3.2. Buộc ông Nguyễn Văn B phải chịu 26.015.000đ (*hai mươi sáu triệu không trăm mười lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 12.000.000đ (*mười hai triệu đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0000298 ngày 25/3/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; ông B còn phải nộp số tiền 14.015.000đ (*mười bốn triệu không trăm mười lăm nghìn đồng*).

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký, đóng dấu*)

Phạm Văn Cảnh